TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 22-3-2019.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhị.

2. Bà Lê Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 432/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Có mặt

2. Bị đơn: Ông Dương Thanh M, sinh năm 1963 và bà Châu Thị H, sinh năm 1964. Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An. Bà Châu Thị H ủy quyền cho ông Dương Thanh M. Ông M có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị N trình bày:

Ngày 24/7/2017, bà N có cho ông Dương Thanh M cùng vợ là bà Châu Thị H vay số tiền 400.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, có làm hợp đồng công chứng tại Văn phòng công chứng Thủ Thừa cùng ngày 24/7/2017. Quá thời hạn trên nhưng ông M, bà H không trả lãi cho bà N. Bà N có yêu cầu ông M, bà H trả tiền nhưng ông M, bà H không trả nên bà N khởi kiện yêu cầu ông M, bà H liên đới trả 400.000.000đ cùng tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 24/7/2017 đến ngày 10/10/2018 là 56.000.000đ và tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà N đồng ý cho ông M, bà H trả dần như sau: Phải trả hết số tiền lãi rồi mỗi tháng trả tiền gốc 5.000.000đ đến khi trả xong nợ.

Bị đơn ông Dương Thanh M trình bày: Ông M thừa nhận cùng vợ là bà Châu Thị H có vay của bà Lâm Thị N 400.000.000đ vào ngày 24/7/2017, lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, có làm hợp đồng công chứng tại Văn phòng công chứng Thủ Thừa cùng ngày 24/7/2017. Đối với tiền lãi thì ông cũng thừa nhận số lãi như bà N trình bày. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông M, bà H không có khả năng trả dần số tiền trên theo yêu cầu của bà N. Ông M xin bà N miễn trả lãi, đồng thời xin trả dần mỗi tháng tiền gốc 2.000.000đ đến khi trả xong nợ.

Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án thực hiện các thủ tục để đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà N giữ nguyên yêu cầu ông M, bà H trả tiền nhưng ông M, bà H không trả nên bà N khởi kiện yêu cầu ông M, bà H liên đới trả 400.000.000đ cùng tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 24/7/2017 đến ngày 22/3/2019 là 80.800.000đ. Ông M đồng ý trả gốc vay 400.000.000đ, xin không trả lãi, đồng thời xin trả dần mỗi tháng tiền gốc 2.000.000đ đến khi trả xong nợ. Bà N không đồng ý trước yêu cầu của ông M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc vay 400.000.000đ và lãi suất vay 1%/ tháng từ ngày 24/7/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự 2015 nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Vào ngày 24/7/2017, bà Lâm Thị N có xác lập hợp đồng vay tiền với bà Châu Thị H và ông Dương Thanh M, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Thủ Thừa. Nội dung bà N cho bà H và ông M vay số tiền gốc 400.000.000đ, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, mục đích vay trả nợ ngân hàng. Quá thời hạn 03 tháng, vợ chồng bà H, ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho bà N. Bà N đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng bà H, ông M chưa thực hiện. Bà H, ông M đồng ý trả gốc vay là 400.000.000đ, xin không trả lãi vay, mỗi tháng trả 2.000.000đ nhưng không được bà N đồng ý.

[3] Xét thấy giao dịch vay tiền giữa bà N với bà H, ông M là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật dân sự. Bà H, ông M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc H, ông M có trách nhiệm trả cho bà N số tiền gốc vay là 400.000.000đ là phù hợp. Đây là khoản nợ phát sinh trong thời kì hôn nhân của bà H và ông M và cùng ký hợp đồng vay tiền nên bà H và ông M có trách nhiệm liên

đới thực hiện nghĩa vụ. Đối với yêu cầu tính lãi suất, nguyên đơn yêu cầu 1%/tháng tính từ ngày 24/7/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/3/2019) với số tiền gốc là 400.000.000đ và lãi là không phù hợp theo quy định tại Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Nên chấp nhận phần lãi suất 1%/tháng mà các đương sự thỏa thuận trong hợp đồng trong hạn là 03 tháng, thời gian tính lãi từ ngày 24/7/2017 cho đến ngày 24/10/2017. Từ ngày 24/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/3/2019 áp dụng mức lãi suất theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 0.83%/tháng. Lãi suất trong hạn được tính như sau: 400.000.000đ x 1% x 03 tháng = 12.000.000đ. Lãi suất chậm thanh toán là 400.000.000đ x 0.83% x 16 tháng 28 ngày = 56.421.000đ. Tổng cộng số tiền bà H, ông M phải trả cho nguyên đơn gồm gốc và lãi là 468.421.000đ. Không chấp nhận một phần khoản lãi nguyên đơn yêu cầu là 80.800.000đ – 68.421.000đ = 12.379.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bà H, ông M phải chịu 22.737.000đ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần. Nguyên đơn phải chịu án phí phần yêu cầu lãi suất không được chấp nhận trên số tiền 12.379.000đ là 619.000đ, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 11.120.000đ theo biên lai số 0001601 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 10.501.000đ.

V*ì các lẽ trên*,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 468, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị N đối với bà Châu Thị H và ông Dương Thanh M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Châu Thị H và ông Dương Thanh M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lâm Thị N số tiền gốc vay là 400.000.000đ, lãi vay là 68.421.000đ, tổng cộng là 468.421.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu về phần lãi suất của bà Lâm Thị N đối với bà Châu Thị H và ông Dương Thanh M số tiền là 12.379.000đ.

Từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chưa trả thì bên chậm trả còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà H, ông M phải liên đới chịu 22.737.000đ. Buộc bà N phải chịu 619.000đ nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.120.000đ theo biên lai số 0001601 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 10.501.000đ.

3. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA-DS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Hoàng Quân